

Số: 01 /BC-BKS/2023/MFS

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
KỶ BÁO CÁO: NĂM 2022 SAU KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone.

Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo kết quả giám sát, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 với các nội dung chính như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Với nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành lập xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2022 phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp thuận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Sau đây là những số liệu chính trong Báo cáo tài chính năm 2022:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	272.909.403.700	286.671.028.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	22.990.170.133	44.136.622.528
1. Tiền	111	22.990.170.133	37.136.622.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	128.284.455.741	105.996.370.395
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	128.284.455.741	105.996.370.395

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	118.330.778.867	132.914.013.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	81.975.331.515	120.291.410.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	211.453.870	296.545.753
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	36.478.005.092	12.660.068.861
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(334.011.610)	(334.011.610)
IV. Hàng tồn kho	140	1.897.899.938	1.396.808.203
1. Hàng tồn kho	141	1.897.899.938	1.396.808.203
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.406.099.021	2.227.214.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.406.099.021	2.227.214.046
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	8.273.483.670	6.985.214.808
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	3.092.630.539	3.270.462.093
1. Phải thu dài hạn khác	216	3.257.177.093	3.270.462.093
II. Tài sản cố định	220	4.083.504.700	2.887.721.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.083.504.700	2.887.721.334
- Nguyên giá	222	268.216.910.437	265.933.531.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(264.133.405.737)	(263.045.810.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228	1.019.000.000	1.019.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260	1.097.348.431	827.031.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.097.348.431	827.031.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	281.182.887.370	293.656.243.610

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	92.746.741.844	103.232.518.808
I. Nợ ngắn hạn	310	92.746.741.844	103.232.518.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	28.347.232.880	43.983.451.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	55.282.000	4.978.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.349.863.267	5.334.226.106
4. Phải trả người lao động	314	31.449.321.970	30.523.916.330

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.373.272.126	12.735.080.526
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	36.344.868	5.454.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.704.465.960	5.653.199.169
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.430.958.773	4.992.212.749
II. Nợ dài hạn	330		
1. Phải trả dài hạn khác	337		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	188.436.145.526	190.423.724.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	188.436.145.526	190.423.724.802
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	70.629.790.000	70.629.790.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	81.836.222.502	81.836.222.502
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421	35.970.133.024	37.957.712.300
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	14.451.975.389	10.494.809.243
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b	21.518.157.635	27.462.903.057
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	281.182.887.370	293.656.243.610

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	413.248.440.927	459.100.383.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	413.248.440.927	459.100.383.911
4. Giá vốn hàng bán	11	375.432.942.924	413.710.254.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.815.498.003	45.390.129.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.838.374.143	4.492.910.235
7. Chi phí tài chính	22	664.789.075	764.969.060
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Chi phí bán hàng	24	724.134.012	621.655.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.000.541.092	15.312.016.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	27.264.407.967	33.184.398.928
11. Thu nhập khác	31	98.933.438	1.044.858.469
12. Chi phí khác	32	319.106.096	95.382.946
13. Lợi nhuận khác	40	(220.172.658)	949.475.523
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27.044.235.309	34.133.874.451

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.526.077.674	6.670.971.394
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21.518.157.635	27.462.903.057

B. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Thực hiện kế hoạch doanh thu của Công ty:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	KẾ HOẠCH 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỶ LỆ TH/KH 2022	TỶ LỆ 2022/2021
I. Doanh thu hàng hóa và dịch vụ	459.100.383.911	762.452.000.000	413.248.440.927	54,20%	90,01%
II. Giá vốn	413.710.254.490				
III. Chi phí quản lý	15.312.016.332	15.738.000.000	15.000.541.092	95,31%	97,97%
Lợi nhuận	27.463.000.000	28.000.000.000	21.518.157.635	76,85%	78,35%

2. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 theo số liệu công ty báo cáo như sau:

TT	Các tỷ số / Ratios	Thực tế năm 2022	Thực tế năm 2021
I	Tỷ suất lợi nhuận / Profitability ratios		
1	Tỷ lệ lãi gộp / Gross profit margin - %	9,15%	9,89%
2	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu / Operating profit margin - %	6,60%	7,23%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu / Net profit margin - %	6,54%	7,43%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu / Return on shareholders' funds - %	17,74%	22,85%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản / Return on assets - %	9,41%	11,47%
II	Hiệu quả sử dụng tài sản / Asset utility		
1	Ngày thu tiền bình quân - ngày / Trade receivables turnover - days	72,40	95,64
2	Ngày thanh toán tiền bình quân - ngày / Trade payables turnover - days	27,56	38,80
3	Kỳ luân chuyển vốn lưu động bình quân / Net working capital turnover - days	159,13	145,84
III	Khả năng thanh toán / Liquidity ratios		

1	Khả năng thanh toán nhanh - lần /Current ratio - times	2,94	2,78
2	Khả năng thanh toán tức thì - lần /Acid test ratio - times	1,63	1,45

C. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, QUY ĐỊNH CỦA MOBIFONE, QUY ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty tuân thủ và chấp hành tốt các quy định bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

D. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỆ THỐNG VÀ TRUNG THỰC TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN, SỔ KẾ TOÁN, TRONG NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC PHỤ LỤC VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY:

Trong năm 2022, Ban Lãnh đạo Công ty đã xây dựng, ban hành kịp thời các quyết định, quy định về vận hành sản xuất, kinh doanh phục vụ theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát thông qua xem xét, đánh giá hồ sơ, báo cáo của Công ty Service cung cấp cho năm 2022, Ban Kiểm soát đánh giá: xét trên khía cạnh trọng yếu những nội dung công ty đã cung cấp đã đảm bảo về tính hợp pháp, tính hệ thống, trung thực trong công tác kế toán, trong báo cáo tài chính.

E. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT. HĐQT đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định ban hành đúng trình tự và căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

F. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2022, Ban điều hành đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- Hoàn thành 54,20% chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2022.
- Hoàn thành 76,85% chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2022 được ĐHCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

G. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã xây dựng, ban hành kịp thời các quyết định, quy định về vận hành sản xuất, kinh doanh phục vụ theo yêu cầu của hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung những quy chế, quy định đã ban hành cho phù hợp với từng thời kỳ.

H. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty MobiFone Service trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MobiFone Service, cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của MobiFone Service;
- Kiểm tra công tác kế toán và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định, nghị quyết, quy chế, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc hoạt động quản lý và điều hành Công ty;
- Xem xét việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ đạo của MobiFone Service.
- Các vấn đề khác liên quan theo quy định tại Điều 40 – Điều lệ Công ty.

I. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Chi phí hoạt động của BKS sẽ được đưa ra ý kiến xin tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

STT	Loại chi phí	Thù lao năm 2022 (VNĐ)	Dự kiến thù lao năm 2023 (VNĐ)
1	Thù lao thành viên BKS	83.052.000	108.000.000
2	Công tác phí và chi phí khác		
	Tổng	83.052.000	108.000.000

K. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát kết luận và kiến nghị như sau:

- ✓ Công ty cần tập trung nghiên cứu các giải pháp để tự thực hiện các dịch vụ đo kiểm, số hóa việc hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ giá trị gia tăng.
- ✓ Hệ thống IPCC sử dụng đã lâu, công ty cần nghiên cứu đầu tư hệ thống mới nhiều tính năng để đáp ứng các nhu cầu của MobiFone và các đối tác khác.
- ✓ Công ty cần tăng cường mở rộng đầu tư các giải pháp hạ tầng mới, các sản phẩm dịch vụ theo chuỗi giá trị để góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.

- ✓ Về các dự án đầu tư, phương án chi phí lớn, các phương án hợp tác kinh doanh lớn cần thực hiện kiểm toán độc lập để đảm bảo việc thực hiện, triển khai đúng quy định định và hiệu quả.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu MFS.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Cao Thành Chung



Lê Đức Mạnh



Nguyễn Văn Chiến

TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
I. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông			
1	01/NQ-ĐHĐCĐ/2022/MFS	28/06/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
II. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			
1	01/BBH-ĐHĐCĐ/2022/MFS	28/06/2022	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
III. Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị			
1	01/NQ/HĐQT	05/01/2022	Định hướng kế hoạch năm 2022
2	01/QĐ/HĐQT	12/01/2022	Sửa đổi PL2 của Quy chế tiền lương Công ty
3	02/QĐ/HĐQT	12/01/2022	Phê duyệt điều chỉnh mức lương chức danh năm 2022 của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty
4	03/QĐ/HĐQT	24/01/2022	Phê duyệt kế hoạch đầu tư mới năm 2022
5	04/QĐ/HĐQT	24/01/2022	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
6	05/NQ/HĐQT	17/02/2022	Đề Ông Phan Tuấn Anh thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty
7	06/NQ/HĐQT	17/02/2022	Bổ nhiệm tạm thời thành viên Hội đồng quản trị Công ty
8	07/QĐ/HĐQT	01/3/2022	Thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Minh Đức
9	08/NQ/HĐQT	01/3/2022	Đề Ông Trần Minh Đức thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty
10	09/NQ/HĐQT	01/3/2022	Bổ nhiệm tạm thời Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
11	10/QĐ/HĐQT	02/3/2022	Phê duyệt định biên lao động khối Văn phòng năm 2022
12	11/QĐ/HĐQT	03/3/2022	Phê duyệt chủ trương tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty
13	12/QĐ/HĐQT	03/3/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
14	13/QĐ/HĐQT	03/3/2022	Phê duyệt mức lương chức danh Phó Tổng Giám đốc
15	14/QĐ/HĐQT	22/3/2022	Bổ sung Phụ lục số 3 của Quy chế tiền lương Công ty

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
16	15/NQ/HĐQT	04/4/2022	Triển khai kế hoạch quý II năm 2022
17	16/QĐ/HĐQT	12/4/2022	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
18	17/QĐ/HĐQT	29/4/2022	Ban hành Quy chế tài chính của Công ty
19	18/NQ/HĐQT	05/5/2022	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
20	19/QĐ/HĐQT	26/5/2022	Phê duyệt các tài liệu, biểu mẫu phục vụ ĐHCĐ thường niên năm 2022
21	20/QĐ/HĐQT	02/6/2022	Phê duyệt chủ trương tuyển dụng chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội
22	21/NQ/HĐQT	06/6/2022	Thông nhất các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
23	22/QĐ/HĐQT	27/6/2022	Phê duyệt đăng ký kế hoạch đầu tư mới năm 2022
24	23/QĐ/HĐQT	28/6/2022	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty
25	24/QĐ/HĐQT	30/06/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
26	25/QĐ/HĐQT	05/07/2022	Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm tài chính 2022
27	26/QĐ/HĐQT	06/7/2022	Triển khai kế hoạch quý III, 6 tháng cuối năm 2022
28	27/QĐ/HĐQT	11/7/2022	Phê duyệt trích Quỹ phúc lợi và Quỹ thi đua khen thưởng năm 2022
29	28/QĐ/HĐQT	12/7/2022	Phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2021
30	29/QĐ/HĐQT	29/7/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý 699 tuyến viba cắt hủy tại Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Nam
31	30/QĐ/HĐQT	29/7/2022	Phê duyệt mức lương nhân sự chất lượng cao tại Công ty MobiFone Service
32	31/NQ/HĐQT	23/8/2022	Thông nhất mục tiêu kế hoạch năm 2022 và một số định hướng chung về chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn tới
33	32/QĐ/HĐQT	12/9/2022	Thành lập Hội đồng thanh lý và Tổ giúp việc Hội đồng thanh lý thiết bị viba cắt hủy
34	33/QĐ/HĐQT	13/9/2022	Phê duyệt đăng ký kế hoạch đầu tư mới bổ sung lần 3 năm 2022
35	34/QĐ/HĐQT	15/9/2022	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Đà

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
			Năng
36	35/QĐ/HĐQT	30/9/2022	Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng
37	35/NQ/HĐQT	05/10/2022	Định hướng triển khai kế hoạch quý IV năm 2022
38	36/QĐ/HĐQT	14/10/2022	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội
39	37/QĐ/HĐQT	28/10/2022	Về việc gia hạn thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty
40	38/QĐ/HĐQT	28/10/2022	Về việc gia hạn thời gian giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh
41	39/QĐ/HĐQT	03/11/2022	Định hướng triển khai kế hoạch 2 tháng cuối năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023
42	40/QĐ/HĐQT	10/11/2022	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty
43	41/QĐ/HĐQT	14/11/2022	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty
44	42/QĐ/HĐQT	28/11/2022	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty
45	44/NQ/HĐQT	01/12/2022	Xây dựng kế hoạch SXKD và kế hoạch hành động năm 2023
46	45/QĐ/HĐQT	22/12/2022	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty
47	46/QĐ/HĐQT	30/12/2022	Phê duyệt chủ trương tuyển dụng chức danh Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty

IV. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1	01/BBH-HĐQT/2022/MFS	05/01/2022	Định hướng kế hoạch năm 2022
2	02/BBH-HĐQT/2022/MFS	04/4/2022	Triển khai kế hoạch quý II năm 2022
3	03/BBH-HĐQT/2022/MFS	06/7/2022	Triển khai kế hoạch quý III, 6 tháng cuối năm 2022
4	04/BBH-HĐQT/2022/MFS	23/8/2022	Các ý kiến và kết luận họp với Tổng công ty Viễn thông MobiFone ngày 09/8/2022
5	05/BBH-HĐQT/2022/MFS	05/10/2022	Sơ kết hoạt động SXKD quý III và định hướng triển khai kế hoạch quý IV năm 2022
6	06/BBH-HĐQT/2022/MFS	03/11/2022	Sơ kết hoạt động SXKD tháng 10/2022, định hướng triển khai kế hoạch 2 tháng cuối năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023
7	07/BBH-HĐQT/2022/MFS	01/12/2022	Sơ kết hoạt động SXKD tháng 11/2022, dự kiến thực hiện năm 2022 và xây dựng mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2023